TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 4- 2023
V/v tranh chấp "Hôn nhân gia đình
Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phùng

2. Ông Nguyễn Văn Ngân

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa***: Ông Lê Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, về tranh chấp "*Hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Số A, tổ A, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Số C, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

(Anh S và chị D có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/01/2023, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị D thống nhất trình bày:

Hôn nhân của anh chị do mai mối, được gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2013, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, về sau thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm ai, vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên anh S yêu cầu ly hôn, chị D đồng ý.

Về con chung: anh, chị có 02 con chung tên Nguyễn Như Ý, sinh ngày 15/4/2014, và Nguyễn Thị Nhã H, sinh ngày 15/10/2017.

Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, anh S đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đ/01 đứa con (2.000.000đ/2 con/tháng), thời gian thực hiện cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 15/3/2023 đến khi các con thành niên tự lập được.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: anh S và chị D chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên pháp luật không công nhận anh chị là vợ chồng. Về con chung: Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, anh S đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng cho mỗi tháng 1.000.000đ/01 đứa con kể từ ngày 15/3/2023 đến khi các con thành niên tự lập được nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị D nên xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp về hôn nhân, gia đình – Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị D là bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Anh S và chị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông bà theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: anh S và chị D được mai mối, có tổ chức lễ cưới, tự nguyện chung sống với nhau năm 2013 nhưng không đăng ký kết hôn (được Ủy

ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh An Giang xác nhận từ trước đến nay anh S chị D chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại địa phương) theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hôn nhân gia đình nên pháp luật không công nhận anh S và chị D là vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Như Ý, sinh ngày 15/4/2014, và Nguyễn Thị Nhã H, sinh ngày 15/10/2017. Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, anh S đồng ý.

Xét, từ khi ly thân đến nay 02 con chung do chị D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, đảm bảo cháu phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và cháu Như Ý (trên 7 tuổi) có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ nên căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần giao 02 con chung cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên hoặc tự lập được; Anh S cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ/01 đứa con (2.000.000đ/2con/tháng), thời gian thực hiện cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 15/3/2023 đến khi các con thành niên tự lập được.

Chị D phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh S đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, chị D không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày của đương sự không nợ chung ai. Tuy nhiên, sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh S chị D phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác.

[3] Về án phí: Anh S phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Chị D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14, Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn S.

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị D là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Như Ý, sinh ngày 15/4/2014, và Nguyễn Thị Nhã H, sinh ngày 15/10/2017 đến thành niên hoặc tự lập được.

Anh Nguyễn Văn S cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đ/01đứa con (2.000.000đ/2con/tháng), thời gian thực hiện cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 15/3/2023 đến khi các con thành niên tự lập được.

- Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình, án phí cấp dưỡng 300.000đ, tổng cổng 600.000đ, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0005943 ngày 27/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang; còn lại 300.000đ anh S phải tiếp tục nộp. Chị D không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Hoà lạc, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Bích Tuyền